TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP. HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ - ST.
Ngày: 19 - 3- 2019.
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ – TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Bình**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Chiểu

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hải Uyến - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tham gia phiên toà: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1997, có mặt.

Địa chỉ: Cụm 2, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Kiều Duy P**, sinh năm 1990, vắng mặt lần 2 khụng cú lý do.

Địa chỉ: Cụm 9, xã S, huyện P, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh P kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2015 tại UBND xã S, huyện P trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn được khoảng hơn một năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do anh P chơi bời không quan tâm đến vợ, con nên vợ chồng thường cãi nói nhau, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị vào tháng 10/2017 đến nay. Sau đó chị có làm đơn xin ly hôn anh P. Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý và giải quyết, sau đó anh P xin lỗi chị, chị đã rút đơn ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó anh P không thay đổi, nên chị không về nhà anh P, chị vẫn ở bên nhà mẹ đẻ chị. Nay chị H khẳng định tình cảm vợ chồng không còn,

đời sống chung không thể tồn tại được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kiều Duy P.

Về con chung: Chị và anh P sinh được 01con là cháu Kiều Hà V, sinh ngày 05/9/2016. Hiện tại cháu V đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị xin nuôi cháu V, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về công sức và về nợ: Đều không có

Anh Kiều Duy P vắng mặt tại phiên toà nhưng anh có lời khai (bút lục 25): Anh và chị H kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2015 tại UBND xã S, huyện P trên cơ sở tự nguyện, anh không hiểu vì lý do gì mà chị H tự bỏ nhà anh về nhà mẹ đẻ chị từ tháng 9/2017. Từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, trước đây chị H có làm đơn xin ly hôn anh, sau đó chị H lại rút đơn ly hôn, sau khi rút đơn ly hôn thì chị H cũng không về nhà anh sinh sống. Nay chị H lại làm đơn xin ly hôn, anh mong Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị H, sinh được 01 con là cháu Kiều Hà V, sinh ngày 05/9/2016. Hiện tại cháu V đang ở với chị H. Khi ly hôn anh xin nuôi cháu V, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về công sức và về nợ: Không có.

Anh P có lời khai là đề nghị Tòa án huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội không báo gọi anh nữa, nếu Tòa án có báo gọi anh thì anh cũng không đến Tòa án, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, nhưng anh không làm đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kiều Duy P.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm: Về tố tụng Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đó xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của những người tham gia tố tụng. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quỏ trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, chị H được ly hôn anh P.

Về con chung: Giao cháu Kiều Hà V, sinh ngày 05/9/2016 cho chị H nuôi đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc có Quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh P được quyền thăm nom con chung.

Về tài sản chung, công sức, về nợ: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai anh Kiều Duy P là bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên phiên toà, thì Tòa án tiền hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Duy P và chị Nguyễn Thị H kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện P vào ngày ngày 03/12/2015, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường cói nhau, nên chị H đó bỏ về nhà mẹ đẻ chị, vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh P. Anh Kiều Duy P có lời khai, anh xin được đoàn tụ. Xét thấy chị H đó bỏ nhà anh P cho đến nay đó gần 2 năm. Năm 2017 chị H đó có đơn xin ly hôn anh P, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý, trong quá trinh giải quyết vụ án chị H đó rút đơn ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng thực tế vợ chồng không thể đoàn tụ được. Nay chị H lại có đơn xin ly hôn anh P. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã sâu sắc trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H là phù hợp.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Kiều Duy P sinh được 01 con là cháu Kiều Hà V, sinh ngày 05/9/2016. Hiện tại cháu V đang ở với chị. Khi ly hôn chị H xin nuôi cháu V, chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xột thấy cháu Kiều Hà V dưới 36 tháng được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu V, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh P.

- Về tài sản chung, về công sức và nợ: Các đương sự đều thừa nhận không có, nên không phải xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án:

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Kiều Duy P.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Kiều Duy P, sinh được 01 con là cháu Kiều Hà V, sinh ngày 05/9/2016. Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cháu Kiều Hà V, đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc có Quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Kiều Duy P không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Kiều Duy P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, về công sức, về nợ: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005529 ngày 21/ 01/ 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Kiều Duy P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Văn Bình

Nơi nhận
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.